KIẾN TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ VIỆT NAM VƯƠN TẦM TOÀN CẦU

Nguyễn Tấn Dũng*

Nhằm phân tích Quyết định số 982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 04/6/2026 và làm rõ bước chuyển quan trọng trong tư duy phát triển doanh nghiệp (DN) công nghệ số Việt Nam: từ hỗ trợ DN trong nước sang kiến tạo DN có năng lực cạnh tranh toàn cầu. Điểm mới nổi bật của Đề án không chỉ nằm ở các mục tiêu tham vọng như 5.000 DN có doanh thu quốc tế và 55 tỷ USD doanh thu xuất khẩu công nghệ số vào năm 2030, mà còn ở việc hình thành hệ sinh thái chính sách tương đối toàn diện về thể chế, tài chính, đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và ngoại giao công nghệ. Thành công của Đề án phụ thuộc chủ yếu vào chất lượng tổ chức thực hiện, khả năng tập trung nguồn lực và thúc đẩy ba đột phá chiến lược về thể chế, vốn và nguồn nhân lực toàn cầu. Xa hơn các chỉ tiêu doanh thu, hướng tới mục tiêu nâng tầm DN Việt Nam từ xuất khẩu sản phẩm sang xuất khẩu công nghệ, nền tảng số, tài sản trí tuệ và năng lực sáng tạo, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong kỷ nguyên số. Đồng thời, mở ra tư duy mới về phát triển DN công nghệ số.

• Từ khóa: *DN nghệ số; quốc tế hóa DN; xuất khẩu công nghệ số; đổi mới sáng tạo.*

This article analyzes Decision No. 982/QĐ-TTg, issued by the Prime Minister on June 4, 2026, and elucidates a significant shift in Vietnam's approach to developing digital technology enterprises from supporting domestic enterprises to fostering globally competitive firms. The most notable feature of the Scheme lies not only in its ambitious targets, including 5,000 enterprises generating international revenue and USD 55 billion in digital technology export revenue by 2030, but also in the establishment of a relatively comprehensive policy ecosystem encompassing institutional reform, financial support, innovation, intellectual property protection, and technology diplomacy. The success of the Scheme will depend largely on the effectiveness of its implementation, the ability to concentrate resources, and the advancement of three strategic breakthroughs: institutional development, capital mobilization, and the cultivation of a globally competent workforce. Beyond revenue-based targets, the Scheme seeks to elevate Vietnamese enterprises from exporters of products to exporters of technology, digital platforms, intellectual property, and innovative capabilities, thereby strengthening national competitiveness in the digital era. At the same time, it introduces a new development paradigm for Vietnam's digital technology enterprises.

• Key words: *digital technology enterprises; enterprise internationalization; digital technology exports; innovation.*

Ngày nhận bài: 08/6/2026
Ngày gửi phản biện: 12/6/2026
Ngày duyệt đăng: 16/6/2026
DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i314.39

1. Chuyển từ tư duy hỗ trợ DN sang kiến tạo DN toàn cầu

Trong những năm qua, chính sách phát triển công nghệ số của Việt Nam chủ yếu tập trung vào mở rộng thị trường trong nước, thúc đẩy chuyển đổi số và hình thành hệ sinh thái DN phục vụ nhu cầu nội địa. Cách tiếp cận này đã tạo nền tảng để nhiều DN từng bước làm chủ các giải pháp, nền tảng và dịch vụ số.

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật và các công nghệ chiến lược đang làm thay đổi cấu trúc cạnh tranh toàn cầu. Chuỗi giá trị số ngày càng dịch chuyển về các khâu có hàm lượng tri thức, đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ cao. Vì vậy, mục tiêu phát triển DN công nghệ số không thể chỉ dừng ở thị trường nội địa mà cần hướng tới năng lực cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu và xây dựng các thương hiệu công nghệ Việt Nam có vị thế trên thị trường thế giới.

Quyết định số 982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được ban hành ngày 04/6/2026 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy hoạch định chính sách. Nếu trước đây trọng tâm là hỗ trợ DN phát triển, thì nay mục tiêu được nâng lên thành kiến tạo điều kiện để DN công nghệ số Việt Nam vươn ra toàn cầu. Đây không chỉ là sự mở rộng về thị trường mà còn là sự thay đổi về cách tiếp cận, khi quá trình quốc tế hóa DN được đặt ở vị trí trung tâm với các mục tiêu định lượng và giải pháp đồng bộ.

Điểm nổi bật của quyết định là xác định Nhà nước giữ vai trò kiến tạo phát triển thông qua bốn nhóm giải

** Email: nguyentandung@gmail.com*

pháp trọng tâm: (i) hoàn thiện thể chế theo hướng tiệm cận thông lệ quốc tế; (ii) phát triển các cơ chế hỗ trợ tài chính như ưu đãi thuế, tín dụng và quỹ đầu tư; (iii) xây dựng hạ tầng hỗ trợ quốc tế hóa DN, bao gồm hạ tầng số, tiêu chuẩn quốc tế và (iv)cơ chế sandbox; đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế thông qua ngoại giao kinh tế, mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ ở nước ngoài cùng các cơ chế kết nối đầu tư và thị trường.

Đáng chú ý, lần đầu tiên Đề án đặt ra nhiệm vụ xây dựng thương hiệu quốc gia cho ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam thông qua các hoạt động truyền thông, xúc tiến và quảng bá ở quy mô quốc tế. Đây là bước đi có ý nghĩa chiến lược nhằm chuyển đổi hình ảnh Việt Nam từ quốc gia gia công công nghệ sang quốc gia sáng tạo và cung cấp công nghệ.

Từ góc độ chính sách công, Quyết định số 982/QĐ-TTg đã hình thành tương đối đầy đủ hệ sinh thái hỗ trợ DN công nghệ số vươn ra thế giới. Bên cạnh các chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo, quyết định còn bổ sung nhiều công cụ hiện đại như hỗ trợ M&A quốc tế, huy động vốn nước ngoài, bảo hiểm đầu tư, bảo hộ sở hữu trí tuệ và kết nối với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo toàn cầu.

Những nội dung này cho thấy mục tiêu của quyết định không chỉ là gia tăng xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mà còn hướng tới nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của DN Việt Nam trên toàn bộ chuỗi giá trị. Đây là bước chuyển từ tư duy tham gia thị trường sang kiến tạo vị thế, từ xuất khẩu sản phẩm sang xuất khẩu công nghệ, tri thức và năng lực đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trong nền kinh tế số toàn cầu.

2. Khát vọng lớn

Bảng 1. Một số chỉ tiêu phát triển ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam giai đoạn 2020-2025

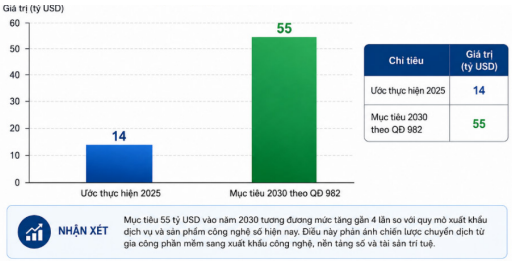
Năm	Số DN công nghệ số (DN)	Doanh thu ngành công nghiệp ICT (tỷ USD)	Giá trị xuất khẩu ICT (tỷ USD)	Lao động ngành ICT (người)
2020	58.000	124,7	101,5	1.030.000
2021	64.000	136,2	118,0	1.080.000
2022	70.000	148,5	136,1	1.150.000
2023	74.000	152,0	142,3	1.210.000
2024	78.500	158,7	148,5	1.250.000
2025*	82.000	165,0	155,0	1.300.000

** 2025: ước tính từ Sách trắng KHCN&ĐMST 2025 và VINASA 2025*

Nguồn: Bộ TT&TT (2024), Sách trắng CNTT và Truyền thông Việt Nam 2024. Bộ KH&CN (2025), Sách trắng KHCN, ĐMST và Chuyển đổi số Việt Nam 2025. VINASA (2025), Vietnam IT Market Report 2025.

Một trong những điểm nổi bật của Quyết định số 982/QĐ-TTg là việc xác lập hệ thống mục tiêu định lượng cụ thể cho giai đoạn đến năm 2030. Theo đó, Việt Nam đặt mục tiêu có ít nhất 5.000 DN công nghệ số phát sinh doanh thu từ thị trường quốc tế; doanh thu xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đạt tối thiểu 55 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 30% mỗi năm; hình thành 60 DN có doanh thu quốc tế trên 20 triệu USD/năm, ít nhất 5 DN đạt doanh thu quốc tế từ 1 tỷ USD/năm và thực hiện thành công tối thiểu 25 thương vụ mua bán, sáp nhập hoặc hợp tác chiến lược quốc tế có giá trị từ 1 triệu USD trở lên.

Biểu đồ 1. Mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu công nghệ số đến năm 2030



Nguồn: Quyết định số 982/QĐ-TTg ngày 04/6/2026. VINASA (2025), Vietnam IT Market Report 2025. OECD (2024), Digital Economy Outlook 2024.

Xét trong tương quan với quy mô hiện nay của ngành công nghệ số Việt Nam, đây là những mục tiêu có tính đột phá. Tuy nhiên, các chỉ tiêu này không đơn thuần phản ánh khát vọng phát triển mà được đặt trên nền tảng của những định hướng chiến lược đã được xác lập trong các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế tư nhân.

Trước hết, Đề án thể hiện sự đồng bộ với tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW khi xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế. Trong cách tiếp cận này, DN không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách mà phải trở thành trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trực tiếp tạo ra, làm chủ và thương mại hóa công nghệ trên quy mô toàn cầu.

Đồng thời, các mục tiêu của Đề án cũng phù hợp với định hướng của Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó nhấn mạnh yêu cầu xây dựng đội ngũ DN có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu và dẫn dắt các ngành kinh tế mới. Đối với lĩnh vực công nghệ số, đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng bởi ngành này có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao, mở rộng thị trường nhanh và ít bị giới hạn bởi không gian địa lý.

Trong bối cảnh Việt Nam hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao và bền vững trong những năm tới, việc hình thành các động lực tăng trưởng mới dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành yêu cầu tất yếu. Công nghiệp công nghệ số được kỳ vọng là một trong những lĩnh vực có khả năng đảm nhận vai trò đó.

Điểm đáng chú ý là Đề án không chỉ hướng đến gia tăng số lượng DN tham gia thị trường quốc tế mà

còn tập trung nâng cao chất lượng hiện diện của DN Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Các mục tiêu về DN tỷ USD, hoạt động M&A quốc tế hay mở rộng sở hữu tài sản trí tuệ cho thấy tư duy phát triển đã chuyển từ mục tiêu xuất khẩu sản phẩm sang xây dựng năng lực cạnh tranh toàn cầu. Đây là sự thay đổi có ý nghĩa chiến lược, bởi giá trị gia tăng cao nhất trong nền kinh tế số thường thuộc về những chủ thể nắm giữ công nghệ, dữ liệu, nền tảng và tài sản trí tuệ.

Nếu được triển khai hiệu quả, Đề án không chỉ góp phần nâng cao kim ngạch xuất khẩu mà còn tạo điều kiện để Việt Nam từng bước hình thành các DN công nghệ có vị thế quốc tế, làm chủ công nghệ lõi, phát triển nền tảng số xuyên biên giới và xây dựng thương hiệu công nghệ Việt Nam trên thị trường toàn cầu. Khi đó, thành công sẽ không chỉ được đo bằng doanh thu xuất khẩu, mà còn bằng năng lực sáng tạo, số lượng tài sản trí tuệ và mức độ tham gia của DN Việt Nam vào những khâu tạo giá trị cao nhất của nền kinh tế số.

Bảng 2. Các chỉ tiêu trọng tâm của Đề án hỗ trợ DN công nghệ số vươn ra toàn cầu đến năm 2030

Chỉ tiêu	Hiện trạng 2025 (ước tính)	Mục tiêu 2030	Chỉ tiêu
DN có doanh thu quốc tế	~1.500 DN	≥ 5.000 DN	DN có doanh thu quốc tế
Doanh thu xuất khẩu công nghệ số	~14 tỷ USD	≥ 55 tỷ USD	Doanh thu xuất khẩu công nghệ số
DN doanh thu quốc tế trên 20 triệu USD/năm	~20 DN	≥ 60 DN	DN doanh thu quốc tế trên 20 triệu USD/năm
DN doanh thu quốc tế trên 1 tỷ USD/năm	0-1 DN	≥ 5 DN	DN doanh thu quốc tế trên 1 tỷ USD/năm
Thương vụ M&A, liên doanh quốc tế giá trị trên 1 triệu USD	<10 thương vụ/ năm	≥ 25 thương vụ thành công	Thương vụ M&A, liên doanh quốc tế giá trị trên 1 triệu USD

Nguồn: Chính phủ (2026), Quyết định số 982/QĐ-TTg. VCCI (2025), Báo cáo thường niên DN Việt Nam 2025. VINASA (2025), Vietnam IT Market Report 2025.

3. Từ chính sách đến thực tiễn

Kinh nghiệm từ nhiều chương trình phát triển kinh tế xã hội cho thấy, khoảng cách giữa mục tiêu chính sách và kết quả thực tiễn thường không nằm ở việc thiếu chủ trương, mà chủ yếu xuất phát từ năng lực tổ chức thực hiện và điều phối nguồn lực. Đối với Đề án hỗ trợ DN công nghệ số Việt Nam vươn ra toàn cầu, thách thức này càng rõ nét khi phạm vi triển khai liên quan đến nhiều bộ, ngành, địa phương và chủ thể tham gia.

Theo Quyết định số 982/QĐ-TTg, Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì, song việc thực hiện đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước, các địa phương, hiệp hội và cộng đồng DN. Vì vậy, nguy cơ lớn nhất hiện nay không phải là thiếu chính sách mà là sự phân tán nguồn lực, chồng chéo nhiệm vụ và thiếu đồng bộ trong triển khai.

Để khắc phục tình trạng này, cần xây dựng cơ chế điều phối liên ngành đủ mạnh đối với các nhiệm vụ trọng tâm của Đề án, bảo đảm sự phối hợp thống nhất, xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh và giám sát hiệu quả việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Trong bối cảnh cạnh tranh công nghệ toàn cầu ngày càng gay gắt, tốc độ và hiệu quả thực thi chính sách đang trở thành một lợi thế cạnh tranh quốc gia quan trọng.

Một nội dung mang ý nghĩa chiến lược của Đề án là lựa chọn tối thiểu 5 DN công nghệ số chủ lực để dẫn dắt hệ sinh thái. Đây không đơn thuần là hỗ trợ một số DN tiêu biểu mà thể hiện tư duy phát triển theo hệ sinh thái và chuỗi giá trị. Thực tiễn quốc tế cho thấy, các trung tâm công nghệ lớn đều được hình thành quanh những DN hạt nhân có năng lực cạnh tranh toàn cầu, từ đó tạo động lực cho mạng lưới doanh nghiệp vệ tinh, cơ sở nghiên cứu, đào tạo và các quỹ đầu tư cùng phát triển.

Do đó, việc lựa chọn DN chủ lực cần dựa trên các tiêu chí minh bạch, trong đó năng lực làm chủ công nghệ lõi, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D), sở hữu trí tuệ, khả năng mở rộng thị trường quốc tế và năng lực dẫn dắt hệ sinh thái phải được đặt lên hàng đầu. Trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế, các chính sách ưu đãi về thuế, vốn, nghiên cứu phát triển, xúc tiến thương mại và M&A cần được tập trung cho những DN có tiềm năng trở thành các tập đoàn công nghệ quy mô khu vực và toàn cầu. Thành công của Đề án sẽ không được đo bằng số lượng DN nhận hỗ trợ mà bằng khả năng hình thành những DN đầu đàn đủ sức dẫn dắt toàn ngành.

Bên cạnh đó, Đề án cũng khẳng định thị trường trong nước là nền tảng cho quá trình quốc tế hóa DN công nghệ số. Thực tế cho thấy rất ít DN có thể thành công ở thị trường quốc tế nếu chưa khẳng định được năng lực cạnh tranh tại thị trường nội địa. Thị trường trong nước không chỉ tạo doanh thu ban đầu mà còn là môi trường để thử nghiệm sản phẩm, hoàn thiện công nghệ và tích lũy kinh nghiệm quản trị.

Vì vậy, cần tiếp tục phát triển thị trường công nghệ số trong nước, thúc đẩy sử dụng các sản phẩm, dịch vụ Make in Viet Nam, mở rộng cơ chế đặt hàng nghiên cứu, mua sắm công đổi mới sáng tạo và các mô hình thử nghiệm có kiểm soát. Một hệ sinh thái công nghệ số trong nước đủ mạnh sẽ là bệ phóng vững chắc để DN Việt Nam tự tin mở rộng hiện diện và nâng cao vị thế trên thị trường toàn cầu.

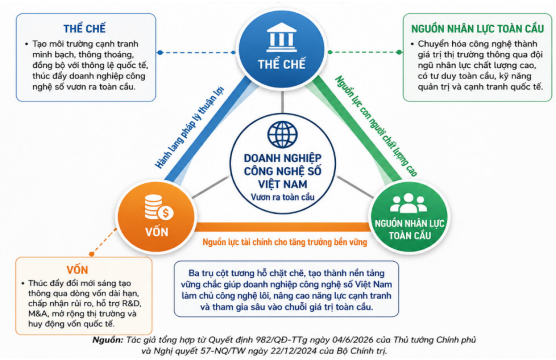
4. Ba đột phá cần ưu tiên trong giai đoạn 2026-2030

Quyết định số 982/QĐ-TTg đã xác lập hệ thống mục tiêu và giải pháp tương đối toàn diện, nhằm hỗ trợ DN công nghệ số Việt Nam vươn ra thị trường toàn cầu. Tuy nhiên, để hiện thực hóa các mục tiêu này, cần tập trung tháo gỡ ba điểm nghẽn mang tính quyết định: thể chế, vốn và nguồn nhân lực.

Thứ nhất, đột phá về thể chế. Trong nền kinh tế số, công nghệ luôn phát triển nhanh hơn chính sách. Vì vậy, năng lực cạnh tranh quốc gia phụ thuộc ngày càng lớn vào khả năng xây dựng môi trường pháp lý minh bạch, linh hoạt và thích ứng với đổi mới sáng tạo.

Điểm đáng chú ý của Đề án là lần đầu tiên nhiều công cụ hỗ trợ quốc tế hóa DN công nghệ số được triển khai đồng bộ, từ ưu đãi thuế, cơ chế sandbox, bảo hộ sở hữu trí tuệ ở nước ngoài đến hỗ trợ M&A và hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ thuật. Điều quan trọng hiện nay không chỉ là ban hành chính sách mà phải bảo đảm hiệu quả thực thi, tạo môi trường thuận lợi cho DN đổi mới sáng tạo và mở rộng thị trường quốc tế.

Biểu đồ 2. Ba trụ cột quyết định thành công của Đề án 982/QĐ-TTg (Mô hình tam giác chiến lược)



Nguồn: *Tác giả tổng hợp từ Quyết định 982/QĐ-TTg ngày 04/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.*

Thứ hai, đột phá về vốn. DN công nghệ số cần nguồn vốn lớn, dài hạn và chấp nhận rủi ro cao để đầu tư cho nghiên cứu, phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường. Vì vậy, việc phát triển các quỹ đầu tư mạo hiểm, cơ chế đồng tài trợ, bảo lãnh tín dụng, bảo hiểm đầu tư và hỗ trợ huy động vốn quốc tế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây là điều kiện cần thiết để hình thành các DN công nghệ số quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh toàn cầu.

Thứ ba, đột phá về nguồn nhân lực. Bên cạnh thể chế và vốn, nguồn nhân lực là yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh dài hạn. Thách thức hiện nay không chỉ là thiếu nhân lực kỹ thuật mà còn thiếu đội ngũ am hiểu thương mại quốc tế, sở hữu trí tuệ, tài chính xuyên biên giới và quản trị toàn cầu.

Ba đột phá về thể chế, vốn và nguồn nhân lực có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ. Khi được triển khai đồng bộ, đây sẽ là nền tảng quan trọng để hình thành các DN công nghệ số Việt Nam có năng lực cạnh tranh khu vực và từng bước khẳng định vị thế trên thị trường toàn cầu.

5. Kiến tạo năng lực công nghệ quốc gia và khát vọng vươn tầm toàn cầu

Quyết định số 982/QĐ-TTg không chỉ là chương trình hỗ trợ DN công nghệ số mở rộng thị trường quốc tế mà còn đặt nền móng cho một giai đoạn phát triển mới của ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam. Giá trị cốt lõi của Đề án không nằm ở các chỉ tiêu về số lượng DN hay doanh thu xuất khẩu, mà ở mục tiêu nâng cao năng lực công nghệ quốc gia và đưa DN Việt Nam từ vị thế tham gia thị trường sang vị thế tạo lập giá trị trong chuỗi giá trị số toàn cầu.

Trong nhiều năm, hoạt động xuất khẩu công nghệ của Việt Nam chủ yếu dựa vào gia công phần mềm, cung cấp dịch vụ và nhân lực công nghệ. Vì vậy, điểm đột phá của Đề án là định hướng chuyển từ xuất khẩu sức lao động công nghệ sang xuất khẩu công nghệ; từ cung cấp dịch vụ sang sở hữu nền tảng; từ tham gia chuỗi giá trị sang từng bước nắm giữ các khâu có giá trị gia tăng cao.

Tinh thần đó được thể hiện qua các giải pháp hỗ trợ DN làm chủ công nghệ chiến lược, bảo hộ sở hữu trí tuệ ở nước ngoài, hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ thuật và thúc đẩy hoạt động mua bán, sáp nhập quốc tế. Trong nền kinh tế số, lợi thế cạnh tranh không còn được quyết định chủ yếu bởi chi phí lao động hay quy mô sản xuất mà bởi công nghệ lõi, dữ liệu, bằng sáng chế và các tài sản trí tuệ có giá trị thương mại cao.

Tuy nhiên, chính sách chỉ có ý nghĩa khi được triển khai hiệu quả. Việc tháo gỡ kịp thời các rào cản thể chế, khơi thông nguồn vốn cho đổi mới sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và tập trung nguồn lực cho các công nghệ chiến lược sẽ quyết định mức độ thành công của Đề án.

Xa hơn các mục tiêu về doanh thu hay xuất khẩu, thành công lớn nhất của Quyết định số 982/QĐ-TTg sẽ được đo bằng năng lực làm chủ công nghệ, khả năng tạo ra tri thức mới và vị thế ngày càng rõ nét của Việt Nam trên bản đồ công nghệ toàn cầu. Đó cũng là con đường quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và khẳng định vị thế Việt Nam trong kỷ nguyên số.

Tài liệu tham khảo:

Chính phủ (2026), Quyết định số 982/QĐ-TTg ngày 04/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ, phát triển DN công nghệ số vươn ra toàn cầu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Hà Nội.

Bộ Chính trị (2024), Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Hà Nội.

Bộ Chính trị (2025), Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, Hà Nội.

Quốc hội (2025), Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ (2024), Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 ban hành Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, Hà Nội.

Chính phủ (2022), Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 26/10/2022 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Hà Nội.

Bộ KH&CN (2025), Sách trắng KHCN, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số Việt Nam năm 2025, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

Bộ TT&TT (2024), Sách trắng Công nghệ TT&TT Việt Nam năm 2024, NXB TT&TT, Hà Nội.

Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ NCTT Việt Nam (VINASA) (2025), Báo cáo Vietnam IT Market Report 2025 và triển vọng DN công nghệ số Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu, Hà Nội.

VCCI (2025), Báo cáo thường niên DN Việt Nam 2025: Năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên số, Hà Nội.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) (2024), Digital Economy Outlook 2024, Paris: OECD Publishing.